

Bản án số: 161/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06-7-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Liêu Chí Khanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hoài Phong.

Bà Phạm Thị Hà.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 282/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh Võ Văn Tr, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

***- Bị đơn:*** Chị Trần Bé H, sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Anh Võ Văn Tr trình bày: Anh và chị Trần Bé H chung sống vào năm 2003, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng có thời gian dài chung sống hạnh phúc và sinh được người con gái tên Võ Tuyệt Nhi, sinh ngày 10/11/2005, nhưng đến năm 2017 thì sống ly thân do chị Bé H bỏ nhà đi nhiều lần mà không rõ lý do. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Bé H, được nuôi cháu Nhi, không yêu cầu chị Bé H cấp dưỡng. Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho chị Trần Bé H, nhưng chị Bé H không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của anh Tr; nhiều lần thông báo hòa giải và triệu tập xét xử nhưng chị Bé H cũng không tham dự.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị Bé H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Anh Võ Văn Tr và chị Trần Bé H chung sống với nhau như vợ chồng trong thời gian dài, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng lại không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do vậy Tòa án không xem xét chấp nhận hoặc không chấp nhận cho anh Tr ly hôn với chị Bé H mà tuyên bố không công nhận anh, chị là vợ chồng theo quy định tại Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có một con chung và hiện tại do anh Tr nuôi dưỡng, anh Tr yêu cầu nuôi con, chị Bé H không phản đối, trong khi nguyện vọng của cháu Nhi xin được sống với anh Tr. Do vậy cần tiếp tục giao cháu Nhi cho anh Tr nuôi dưỡng là phù hợp. Do anh Tr không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét buộc chị Bé H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Tr xác định không có, chị Bé H không phản đối nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình: Do yêu cầu được chấp nhận nên anh Tr phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Võ Văn Tr và chị Trần Bé H là vợ chồng.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Võ Văn Tr. Giao cháu Võ Tuyết Nhi, sinh ngày 10/11/2005 cho anh Võ Văn Tr tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không buộc chị Trần Bé H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Bé H có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Tuyết Nhi mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Võ Văn Tr phải chịu là 300.000 đồng. Anh Tr đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm

tại biên lai thu tiền số 0010655 ngày 20/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, anh Tr đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Tr có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Bé H có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

*Tr hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Liêu Chí Khanh**